

Bản án số: 80/2017/HSPT

Ngày: 25/8/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Đức.

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Huy Toàn;

Ông Trần Văn Luông.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lữ Thị Lệ Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa phúc thẩm công khai xét xử vụ án hình sự thụ lý số 104/2017/HSPT ngày 11 tháng 7 năm 2017 đối với bị cáo Cao Xuân V và Trương Văn H. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 77/2017/HSST ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Họ và tên các bị cáo kháng cáo:

1. **Cao Xuân V**, sinh năm 1995 tại tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; chỗ ở: Khu phố A, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Công nhân; con ông Cao Văn V, sinh năm 1962 và bà Lê Thị C, sinh năm 1962; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/12/2016 đến nay, có mặt.

2. **Trương Văn H**, sinh năm 1995 tại tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; chỗ ở: Khu phố A, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Công nhân; con ông Trương Văn L, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1968; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị C, sinh năm 1994 và có 01 con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/10/2016 đến nay, có mặt.

Trong vụ án còn có 09 bị cáo, nguyên đơn dân sự Công ty TNHH C (Việt Nam) và 04 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do không có kháng cáo và không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo cáo trạng của Viện Kiểm sát và bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân thị xã B thì nội dung vụ án như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 25/10/2016, qua kiểm tra hình ảnh camera lắp đặt tại nhà xưởng số 3 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn C (Việt Nam) thì phát hiện vào lúc 03 giờ 30 phút ngày 24/10/2016, Hà Văn T có hành vi chuyển ra ngoài cửa sổ kho 05 kiện túi nilon (đựng hàng thành phẩm) và đưa lên xe ô tô biển số 61LD-022.80. Công ty Trách nhiệm hữu hạn C đã mời T đến làm việc, T thừa nhận hành vi lấy trộm 05 kiện túi nilon. Vì vậy, Công ty Trách nhiệm hữu hạn C báo Công an phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Sau đó, Công an phường M chuyển hồ sơ cho Công an thị xã B xử lý theo thẩm quyền. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B mở rộng điều tra với kết quả như sau:

Lê Minh T, Lê Văn N, Trương Văn H, Cao Xuân V, Võ Văn Cu L, Hà Văn T, Thân Viết Q, Nguyễn Văn Đ, Phạm Ngọc H, Nguyễn Minh L, Đoàn T là công nhân của Công ty Trách nhiệm hữu hạn C (Công ty TNHH C) với công việc cụ thể: T, H, L và T là tài xế xe tải của công ty chở hàng thành phẩm (dây giày) đi giao cho các khách hàng của công ty ở các tỉnh miền Đông Nam Bộ và miền Tây Nam Bộ; L làm bộ phận lãnh chỉ nguyên liệu để giao cho công nhân sản xuất; N, H, V, T, Q, Đ làm công nhân bộ phận kho đi giao hàng và quen biết với nhau. Lợi dụng sơ hở của công ty trong việc quản lý tài sản như không kiểm kê hàng hóa thường xuyên, camera kiểm soát bị hư hỏng không sửa chữa kịp thời, nên từ ngày 21/6/2016 đến ngày 25/10/2016, Lê Minh T, Cao Xuân V, Võ Văn Cu L, Lê Văn N, Trương Văn H, Hà Văn T, Thân Viết Q, Nguyễn Văn Đ câu kết với nhau thành từng nhóm lén lút lấy trộm chỉ nguyên liệu trọng lượng 35kg/thùng, kiện túi nilon trọng lượng 25kg/kiện (chứa hàng thành phẩm có nhiều kích thước) đưa lên xe cho Lê Minh T, Phạm Ngọc H, Đoàn T và Nguyễn Minh L chở đi bán cho đối tượng tên N (không rõ nhân thân, lai lịch) và điếm thu phế liệu không rõ địa chỉ trên đường đi giao hàng để lấy tiền chia nhau tiêu xài cụ thể như sau:

Cao Xuân V nảy sinh ý định chiếm đoạt chỉ nguyên liệu của công ty nên vào ngày 18/6/2016, V gặp Võ Văn Cu L và nói L trộm chỉ để trên xe đẩy V sẽ đem ra bán chia nhau tiêu xài, L đồng ý. V sử dụng điện thoại di động hiệu Samsung J5 sim số 0975152300 gọi cho T vào điện thoại di động hiệu Nokia 1110 màu xanh sim số 0946788762 hỏi T tìm chỗ bán chỉ, T đồng ý. Qua hỏi thăm các lái xe công ty khác, T biết số điện thoại của đối tượng tên N (không rõ nhân thân, lai lịch) thu mua chỉ nguyên liệu và T nói cho V biết. Sau đó, V tiếp tục rủ Trương Văn H cùng tham gia thì H đồng ý. Trước mỗi lần lấy chỉ, V gọi điện báo cho T biết trước để chở đi tiêu thụ.

Vụ 1: Cao Xuân V, Võ Văn Cu L, Trương Văn H và Lê Minh T thực hiện.

Chiều ngày 20/6/2016, V gọi vào điện thoại di động hiệu Mobistar số 01672438010 của L kêu L chuẩn bị sẵn 10 thùng chỉ nguyên liệu lấy trộm. L đồng ý và lén lút lấy 10 thùng chỉ ở khu vực làm việc để lên xe đẩy để gần kho nguyên liệu. Khoảng 04 giờ ngày 21/6/2016, V và H đến công ty sắp xếp hàng

lên xe ô tô tải biển số 61LD-4271 để T chở đi giao hàng ở tỉnh Đồng Nai. Trong lúc xếp hàng, V và H lên lút cùng lấy 10 thùng chỉ (L đã xếp sẵn) để lên xe tải biển số 61LD-4271 để H trực tiếp đi giao hàng với T và nói cho T biết. Trên đường đi, T gọi điện thoại cho N và hẹn gặp tại khu vực thành phố M và bán cho N 10 thùng chỉ được 6.000.000 đồng. Tiền bán được, T, H và V chia đều nhau mỗi người được 1.000.000 đồng, L được 2.500.000 đồng, còn 500.000 đồng mọi người cùng ăn uống hết.

Theo Biên bản về việc định giá tài sản của Hội đồng định giá thị xã B, 10 thùng chỉ có trọng lượng 350kg với số tiền 79.194 đồng/kg. Giá trị tài sản chiếm đoạt là 27.717.900 đồng.

Vụ 2: Cao Xuân V, Võ Văn Cu L, Trương Văn H và Lê Minh T thực hiện.

Chiều ngày 01/7/2016, V điện thoại kêu L chuẩn bị sẵn chỉ để lấy trộm, L đồng ý và lên lút sắp xếp 10 thùng chỉ bỏ sẵn lên xe đẩy. Khoảng 04 giờ ngày 02/7/2016, V và H đến sắp xếp hàng lên xe ô tô biển số 61LD-4271 để T chở đi giao hàng tại tỉnh Tây Ninh. Trong lúc xếp hàng, V và H cùng lên lút lấy 10 thùng chỉ (L đã xếp sẵn) bỏ lên xe ô tô biển số 61LD-4271 để H đi giao hàng cùng với T và nói cho T biết. Trên đường đi, T gọi điện và hẹn gặp N tại khu vực ngã ba R thuộc ấp R, xã A, thị xã B bán cho N 10 thùng chỉ được 6.000.000 đồng. Tiền bán được, T, H và V chia đều nhau mỗi người được 1.000.000 đồng, L được 2.500.000 đồng, còn 500.000 đồng mọi người cùng ăn uống hết.

Theo Biên bản về việc định giá tài sản của Hội đồng định giá thị xã B, 10 thùng chỉ có trọng lượng 350kg với số tiền 79.194 đồng/kg. Giá trị tài sản chiếm đoạt là 27.717.900 đồng.

Vụ 3: Cao Xuân V, Võ Văn Cu L, Trương Văn H, Lê Văn N và Lê Minh T thực hiện.

Trương Văn H không được đi giao hàng thường xuyên nên V và T rủ Lê Văn N cùng trộm chỉ nguyên liệu công ty bán chia nhau tiêu xài, N đồng ý. Chiều ngày 07/7/2016, V điện thoại kêu L chuẩn bị sẵn 10 thùng chỉ. L đồng ý xếp sẵn 10 thùng chỉ lên xe đẩy. Khoảng 04 giờ ngày 08/7/2016, V, H, N vào công ty sắp xếp hàng lên xe ô tô biển số 61LD-4271 để T chở đi giao hàng tại tỉnh Tiền Giang. Lúc xếp hàng, H, N và V cùng lên lút lấy 10 thùng chỉ (L đã xếp sẵn) bỏ lên xe ô tô biển số 61LD-4271 để H cùng đi giao hàng với T và nói cho T biết. Trên đường đi, T gọi điện thoại và hẹn gặp N tại khu vực thành phố M bán cho N 10 thùng chỉ được 6.000.000 đồng. Tiền có được, T, H, N và V chia đều mỗi người được 800.000 đồng, L được 2.500.000 đồng, còn 300.000 đồng, T, N và H cùng ăn uống hết.

Theo Biên bản về việc định giá tài sản của Hội đồng định giá thị xã B, 10 thùng chỉ có trọng lượng 350kg với số tiền 79.194 đồng/kg. Giá trị tài sản chiếm đoạt là 27.717.900 đồng.

Vụ 4: Cao Xuân V, Võ Văn Cu L, Lê Văn N, Lê Minh T thực hiện.

Chiều ngày 15/7/2016, V điện thoại kêu L chuẩn bị sẵn 10 thùng chỉ cho V lấy trộm. L đồng ý lên lút lấy trộm và xếp sẵn 10 thùng chỉ trên xe đẩy. Khoảng 04 giờ ngày 16/7/2016 V, N vào công ty sắp xếp hàng lên xe ô tô biển số 61LD-4271 để T chở đi giao hàng tại thị xã D, tỉnh Bình Dương. Trong lúc xếp hàng, N và V cùng nhau lên lút lấy 10 thùng chỉ (L đã xếp sẵn) bỏ lên xe ô tô biển số 61LD-4271 cho N đi giao hàng với T và nói cho T biết. Trên đường đi, T điện thoại và hẹn gặp N tại khu vực Khu Công nghiệp S bán cho N 10 thùng chỉ được 6.000.000 đồng. Tiền bán được, T, V và N chia đều mỗi người được 1.000.000 đồng, L được 2.500.000 đồng, còn 500.000 đồng mọi người cùng ăn uống hết.

Theo Biên bản về việc định giá tài sản của Hội đồng định giá thị xã B, 10 thùng chỉ có trọng lượng 350kg với số tiền 79.194 đồng/kg. Giá trị tài sản chiếm đoạt là 27.717.900 đồng).

Vụ 5: Cao Xuân V, Võ Văn Cu L, Lê Văn N, Lê Minh T thực hiện.

Chiều ngày 19/7/2016, V điện thoại kêu L chuẩn bị 10 thùng chỉ cho V lấy trộm. L đồng ý và lên lút lấy trộm 10 thùng chỉ xếp lên xe đẩy. Khoảng 04 giờ ngày 20/7/2016, V, N vào công ty sắp xếp hàng lên xe ô tô biển số 61LD-4271 để T chở đi giao hàng tại tỉnh Tiền Giang. Trong lúc xếp hàng, V và N cùng lên lút lấy 10 thùng chỉ (L đã xếp sẵn) chuyển lên xe ô tô biển số 61LD-4271 cho N đi giao hàng với T và nói cho T biết. Trên đường đi, T điện thoại hẹn gặp N tại khu vực thành phố M và bán cho N 10 thùng chỉ được 6.000.000 đồng. Tiền bán được, T, V và N chia đều nhau mỗi người được 1.000.000 đồng, L được 2.500.000 đồng, còn 500.000 đồng mọi người cùng ăn uống hết.

Theo Biên bản về việc định giá tài sản của Hội đồng định giá thị xã B, 10 thùng chỉ có trọng lượng 350kg với số tiền 79.194 đồng/kg. Giá trị tài sản chiếm đoạt là 27.717.900 đồng.

Sau khi thực hiện các lần trộm chỉ nguyên liệu của công ty, Lê Minh T, Cao Xuân V, Võ Văn Cu L, Lê Văn N, Trương Văn H sợ bị công ty phát hiện nên không lấy trộm chỉ nguyên liệu nữa. Trong quá trình đi giao hàng chung, T, H, N, Hà Văn T, Nguyễn Văn Đ, Thân Viết Q nảy sinh ý định lấy trộm kiện túi nilon bỏ lên xe và nói trước cho T biết nên từ ngày 06/9/2016 đến ngày 25/10/2016 H, N, T, Đ, Q câu kết với nhau thành từng nhóm lên lút lấy trộm kiện túi nilon để lên xe cho T, Đoàn T, Phạm Ngọc H và Nguyễn Minh L chở đi bán tại điểm thu mua phế liệu ven đường khi đi giao hàng để chia nhau tiêu xài. Cụ thể, Trương Văn H cùng đồng phạm đã thực hiện 02 lần như sau:

Vụ 1: Lê Văn N, Trương Văn H, Lê Minh T thực hiện.

Khoảng 04 giờ ngày 24/10/2016, N, H vào công ty sắp xếp hàng lên xe ô tô biển số 61LD-4271 cho T chở đi giao hàng tại thị xã D, tỉnh Bình Dương. Khi đang xếp hàng, H và N cùng rủ nhau qua kho nguyên liệu lên lút lấy trộm 08 kiện túi nilon bỏ lên xe ô tô biển số 61LD-4271 để cho H đi giao hàng với T và nói cho T biết. Trên đường đi T dừng xe tại điểm thu mua phế liệu ở khu vực đường cao tốc M-T bán 08 kiện túi nilon được 4.000.000 đồng. Tiền bán được, T, H, N chia

đều nhau mỗi người được 1.300.000 đồng, còn 100.000 đồng T và H cùng ăn uống hết.

Theo Biên bản về việc định giá tài sản của Hội đồng định giá thị xã B, 08 kiện túi nilon trọng lượng 200kg với số tiền 37.500 đồng/kg. Giá trị tài sản chiếm đoạt là 7.500.000 đồng.

Vụ 2: Lê Văn N, Trương Văn H và Lê Minh T thực hiện.

Ngày 25/10/2016, H, N đến công ty sắp xếp hàng lên xe ô tô biển số 61LD-4271 để T chở đi giao hàng. Trong lúc xếp hàng, H và N cùng nhau lấy trộm 07 bao túi nilon (túi nilon lấy ra từ kiện sử dụng chưa hết và được bỏ vào bao) nặng khoảng 130kg để lên trong thùng xe 61LD-4271 để H đi giao hàng với T. Trên đường đi, T và H gặp đối tượng tên N ở khu vực Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh với giá 20.000 đồng/kg được 2.600.000 đồng. Tiền bán được, T, H và N chia đều mỗi người được 800.000 đồng, còn 200.000 đồng T và H cùng ăn uống hết.

Theo Biên bản về việc định giá tài sản của Hội đồng định giá thị xã B, kiện túi nilon trọng lượng 130kg với số tiền 37.500 đồng/kg. Giá trị tài sản chiếm đoạt là 4.875.000 đồng.

Qua kết quả điều tra, số lần và giá trị tài sản chiếm đoạt của bị cáo V, bị cáo H như sau:

+ Cao Xuân V tham gia 05 lần trộm chỉ nguyên liệu (50 thùng trọng lượng 1.750kg) với giá trị tài sản chiếm đoạt là 138.589.500 đồng.

+ Trương Văn H tham gia 03 lần trộm chỉ nguyên liệu (30 thùng trọng lượng 1.050kg) trị giá 83.153.700 đồng và 02 lần trộm túi nilon (trọng lượng 330kg) trị giá 12.375.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 95.528.700 đồng.

Bị cáo Cao Xuân V thu lợi bất chính số tiền 4.800.000 đồng; bị cáo Trương Văn H thu lợi bất chính số tiền 4.900.000 đồng.

Quá trình điều tra, các bị cáo Phạm Ngọc H; Nguyễn Thanh T; Đoàn T; Nguyễn Minh L; Phạm Hoàng T; bà Nguyễn Thị N là chị của bị cáo Nguyễn Văn Đ và bị cáo Thân Viết Q; ông Lê Văn T là anh của bị cáo Lê Văn N; T; bà Cao Thị L là chị của bị cáo Cao Xuân V và bị cáo Trương Văn H; bà Thạch Thị T là vợ của bị cáo Võ Văn Cu L; bị cáo T đã nộp số tiền thu lợi bất chính.

Ngày 24/01/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B đã giao trả toàn bộ số tiền thu lợi bất chính trên cho bà Lê Thị L là người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH C.

Đối với đối tượng tên N, T chỉ biết số điện thoại và đã xóa số. Mỗi lần mua chỉ nguyên liệu thì T gặp những đối tượng không rõ nhân thân, lai lịch khác nhau nên chưa có cơ sở xử lý.

Đối với điện thoại di động mà Cao Xuân V và Võ Văn Cu L dùng làm phương tiện phạm tội hiện đã bị mất nên không thu hồi xử lý được.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 77/2017/HSST ngày 06/6/2017 của Tòa án nhân dân thị xã B đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Cao Xuân V, Trương Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009: Xử phạt bị cáo Cao Xuân V 03 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 16/12/2016 và bị cáo Trương Văn H 02 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 27/10/2016.

Ngoài ra, cấp sơ thẩm còn tuyên phạt bị cáo Lê Minh T 03 năm tù, bị cáo Võ Văn Cu L 03 năm tù, bị cáo Lê Văn N 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Hà Văn T 12 tháng tù, bị cáo Thân Viết Q 07 tháng 10 ngày tù, bị cáo Nguyễn Văn Đ 07 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Phạm Ngọc H 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 250 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Đoàn T và Nguyễn Minh L mỗi bị cáo 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 250 của Bộ luật Hình sự; tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/6/2017, các bị cáo Trương Văn H, Cao Xuân V kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt (đơn kháng cáo trong hạn luật định).

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu quan điểm giải quyết đối với vụ án: Xác định tội danh, điều luật án sơ thẩm xét xử và áp dụng đối với các bị cáo Cao Xuân V và Trương Văn H là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo V 03 năm tù, bị cáo H 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, đã có xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Bị cáo V, bị cáo H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới theo quy định của pháp luật nên không có cơ sở chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo V, bị cáo H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo Cao Xuân V, bị cáo Trương Văn H không đưa ra được các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới theo quy định pháp luật và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm. Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Cao Xuân V, Trương Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Bản án hình sự sơ thẩm số 77/2017/HSST ngày 06/6/2017 của Tòa án nhân dân thị xã B đã tuyên xử. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm cũng như các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định: Từ ngày 21/6/2016 đến ngày 25/10/2016, bị cáo Cao Xuân V cùng đồng phạm đã có hành vi lén lút 05 lần chiếm đoạt chỉ nguyên liệu của Công ty TNHH C với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 138.589.500 đồng; bị cáo Trương Văn H cùng đồng phạm đã có hành vi lén lút 03 lần chiếm đoạt chỉ nguyên liệu và 02 lần chiếm đoạt túi nilon của Công ty TNHH C với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 95.528.700 đồng. Theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự thì “Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm”. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Cao Xuân V, Trương Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết định khung “Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng” theo điểm e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Viện Kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo V, bị cáo H giữ nguyên bản án sơ thẩm là có cơ sở.

Hành vi của bị cáo V, bị cáo H và đồng phạm chiếm đoạt tài sản của Công ty TNHH C với số lượng lớn là nguy hiểm và nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm quyền được bảo vệ về tài sản hợp pháp của công ty. Xét về nhận thức, các bị cáo hoàn toàn nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của công ty là trái quy định của pháp luật. Nhưng vì tham lam, tư lợi, lười lao động lại muốn hưởng thụ mà các bị cáo cố ý thực hiện hành vi phạm tội; hành vi của các bị cáo là xem thường pháp luật và bất chấp hậu quả. Tại phiên tòa, bị cáo V, bị cáo H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới theo quy định của pháp luật. Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo V, bị cáo H và tuyên phạt bị cáo V 03 năm tù, bị cáo H 02 năm 06 tháng tù là phù hợp với tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo V, bị cáo H.

Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Án phí hình sự phúc thẩm: Do Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Cao Xuân V, Trương Văn H nên các bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Cao Xuân V, bị cáo Trương Văn H; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 77/2017/HSST ngày 06/6/2017 của Tòa án nhân dân thị xã B:

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009:

Xử phạt bị cáo Cao Xuân V 03 (ba) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 16/12/2016.

Xử phạt bị cáo Trương Văn H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 27/10/2016.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Cao Xuân V, Trương Văn H mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng.

3. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BD; 1
- Phòng PV 27 CA tỉnh BD; 1
- Trại tạm giam CA tỉnh BD; 2
- TAND TX. B; 2
- VKSND TX. B; 1
- Chi cục THADS TX. B; 1
- Công an TX. B; 1
- Bị cáo; Tổ HCTP; 4
- Sở Tư pháp tỉnh BD; 1
- Lưu HS. 1

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Huỳnh Đức